PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32/2011/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
Về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 23 tháng 6 năm 1994 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động ngày 02 tháng 4 năm 2002;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trả công bằng tiền theo ngày cho các huấn luyện viên, vận động viên thể thao là người Việt Nam trong thời gian được tập trung tập huấn và thi đấu như sau:

1. Huấn luyện viên, vận động viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước:

a) Huấn luyện viên trưởng đội tuyển quốc gia: 300.000 đồng/người/ngày;

b) Huấn luyện viên đội tuyển quốc gia: 200.000 đồng/người/ngày;

c) Huấn luyện viên trưởng đội tuyển trẻ quốc gia: 200.000 đồng/người/ngày;

d) Huấn luyện viên đội tuyển trẻ quốc gia: 150.000 đồng/người/ngày;

đ) Huấn luyện viên đội tuyển của ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: 120.000 đồng/người/ngày;

e) Huấn luyện viên đội tuyển trẻ của ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: 90.000 đồng/người/ngày;

g) Huấn luyện viên đội tuyển năng khiếu của ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: 90.000 đồng/người/ngày;

h) Vận động viên đội tuyển quốc gia: 150.000 đồng/người/ngày;

i) Vận động viên đội tuyển trẻ quốc gia: 120.000 đồng/người/ngày;

k) Vận động viên đội tuyển của ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: 80.000 đồng/người/ngày;

l) Vận động viên đội tuyển trẻ của ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: 40.000 đồng/người/ngày;

m) Vận động viên đội tuyển năng khiếu của ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: 30.000 đồng/người/ngày.

2. Đối với huấn luyện viên, vận động viên hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian được tập trung tập huấn và thi đấu, nếu có mức lương thấp hơn mức tiền công quy định tại Khoản 1 Điều này thì cơ quan, đơn vị sử dụng huấn luyện viên, vận động viên chịu trách nhiệm chi trả phần chênh lệch để bảo đảm bằng các mức quy định tương ứng tại Khoản 1 Điều này.

Điều 2. Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian được tập trung tập huấn và thi đấu

1. Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ quốc gia, đội tuyển, đội tuyển trẻ của ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được hưởng lương từ ngân sách nhà nước và huấn luyện viên, vận động viên không được hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang làm việc ở các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật.

2. Huấn luyện viên, vận động viên bị tai nạn hoặc chết trong khi tập luyện, thi đấu thì được đơn vị quản lý huấn luyện viên, vận động viên bồi thường một lần theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 110/2002/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27 tháng 12 năm 2002 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/CP ngày 20 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Lao động về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

3. Huấn luyện viên, vận động viên không được hưởng lương từ ngân sách nhà nước, không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu phải nghỉ tập luyện, nghỉ thi đấu do ốm đau, bị tai nạn hoặc chết được giải quyết trợ cấp và bồi thường như sau:

a) Nếu bị ốm đau được chi trả toàn bộ chi phí khám, chữa bệnh và được hưởng trợ cấp bằng 75% mức tiền công hiện hưởng trong những ngày nghỉ ốm đau (hoặc thực hiện các biện pháp kế hoạch hóa gia đình);

b) Nếu bị tai nạn trong khi tập luyện, thi đấu thì được chi trả toàn bộ chi phí y tế từ khi sơ cứu, cấp cứu đến khi điều trị ổn định thương tật, tiền trợ cấp bằng 100% mức tiền công trong thời gian điều trị;

c) Sau khi thương tật ổn định được giám định khả năng lao động; nếu bị suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên thì được hưởng các chế độ sau:

- Trợ cấp một lần bằng mức quy định hiện hành của pháp luật về bảo hiểm xã hội đối với đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc;

- Tiền bồi thường theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 110/2002/NĐ-CP.

d) Huấn luyện viên, vận động viên bị chết thì người lo mai táng được nhận trợ cấp mai táng bằng mức quy định hiện hành của pháp luật về bảo hiểm xã hội đối với đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc;

đ) Huấn luyện viên, vận động viên bị chết do tai nạn trong khi luyện tập, thi đấu thì thân nhân được nhận trợ cấp một lần bằng mức quy định hiện hành của pháp luật về bảo hiểm xã hội đối với đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và được bồi thường theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 110/2002/NĐ-CP.

4. Huấn luyện viên, vận động viên không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội khi thôi làm huấn luyện viên, vận động viên được hưởng trợ cấp một lần.

Mức trợ cấp một lần được tính bằng số năm (12 tháng) làm huấn luyện viên, vận động viên tập trung (tính cộng dồn) nhân với 1,5 tháng (26 ngày/tháng) tiền công trước khi thôi việc; nhưng thấp nhất cũng bằng 2 tháng tiền công.

Điều 3. Mức thưởng bằng tiền đối với các vận động viên, huấn luyện viên lập thành tích trong thi đấu

1. Vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu quốc tế được hưởng mức thưởng theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu vô địch trẻ thế giới, châu Á, Đông Nam Á được hưởng mức thưởng tối đa bằng 50% mức thưởng quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Mức thưởng đối với huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao bằng mức thưởng đối với vận động viên.

4. Đối với các môn thể thao tập thể, số lượng huấn luyện viên, vận động viên được thưởng khi lập thành tích theo quy định của điều lệ giải. Mức thưởng chung bằng số lượng người được thưởng nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

5. Đối với các môn thi đấu đồng đội (các môn thi đấu mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi), số lượng huấn luyện viên, vận động viên được thưởng khi lập thành tích theo quy định của điều lệ giải. Mức thưởng chung bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

6. Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thể thao dành cho người khuyết tật thế giới, châu Á, Đông Nam Á được hưởng mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này.

7. Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thể thao dành cho học sinh, sinh viên thế giới, châu Á, Đông Nam Á được hưởng mức thưởng bằng 30% mức thưởng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này.

8. Mức thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên của ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập thành tích tại các đại hội, giải vô địch thể thao quốc gia do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí chi trả cho các chế độ quy định tại Quyết định này được bố trí trong dự toán ngân sách thể dục thể thao hàng năm theo chế độ hiện hành của Nhà nước về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước:

a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chi trả tiền công, tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiền khám, chữa bệnh, tai nạn, tiền trợ cấp và tiền bồi thường theo quy định cho huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển - đội tuyển trẻ quốc gia; chi tiền thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển - đội tuyển trẻ quốc gia đạt thành tích thi đấu tại các giải thể thao quốc tế;

b) Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chi tiền công, tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiền khám, chữa bệnh, tai nạn, tiền trợ cấp và tiền bồi thường theo quy định cho huấn luyện viên, vận động viên thuộc Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý; tiền thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích thi đấu tại các giải thi đấu quốc gia và các giải thi đấu của Bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Nhà nước khuyến khích các liên đoàn, hiệp hội thể thao, các đơn vị quản lý huấn luyện viên, vận động viên khai thác các nguồn hợp pháp để bổ sung thêm tiền công, tiền thưởng, tiền trợ cấp khám, chữa bệnh, tai nạn và các chế độ, chính sách khác đối với huấn luyện viên, vận động viên.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2011 và thay thế Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Thiện Nhân

Phụ lục

MỨC THƯỞNG ĐỐI VỚI VẬN ĐỘNG VIÊN LẬP THÀNH TÍCH TẠI CÁC ĐẠI HỘI, GIẢI THI ĐẤU QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Thành tích / Tên cuộc thi	Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng	Phá kỷ lục
I	**Đại hội, giải thể thao quy mô thế giới**				
1	Đại hội Olympic	160	80	60	Được cộng thêm 60 triệu
2	Đại hội Olympic trẻ	60	30	25	Được cộng thêm 25 triệu
3	a) Giải vô địch thế giới hoặc cúp thế giới từng môn của các môn thể thao nhóm I (trong chương trình thi đấu của Olympic)	85	45	35	Được cộng thêm 55 triệu
	b) Giải vô địch thế giới hoặc cúp thế giới từng môn của các môn thể thao nhóm II (các môn thể thao còn lại)	60	35	30	Được cộng thêm 30 triệu
II	**Đại hội, giải thể thao quy mô Châu lục**				
1	Đại hội thể thao châu Á (ASIAD)	70	35	30	Được cộng thêm 25 triệu
2	Đại hội thể thao bãi biển châu Á, Đại hội thể thao Võ thuật - Trong nhà châu Á	50	25	20	Được cộng thêm 20 triệu

TT	Thành tích / Tên cuộc thi	Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng	Phá kỷ lục
3	a) Giải vô địch châu Á hoặc cúp châu Á từng môn của các môn thể thao nhóm I (các môn thể thao trong chương trình thi đấu của Olympic)	60	30	25	Được cộng thêm 25 triệu
	b) Giải vô địch châu Á hoặc cúp châu Á từng môn của các môn thể thao nhóm II (các môn thi còn lại)	50	25	20	Được cộng thêm 20 triệu
III	**Đại hội, giải thể thao quy mô khu vực**				
1	Đại hội thể thao Đông Nam Á	45	25	20	Được cộng thêm 15 triệu
2	a) Giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao nhóm I (trong chương trình thi đấu của Olympic)	40	20	15	Được cộng thêm 15 triệu
	b) Giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao nhóm II (các môn thể thao còn lại)	30	15	10	Được cộng thêm 10 triệu